

**BỘ TÀI CHÍNH
CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3896/CT-CS

V/v chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp theo
Nghị định số 20/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 06 năm 2026



Kính gửi:

- Thuế Thành phố Hà Nội;
- Thuế Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thuế tỉnh Bắc Ninh;
- Thuế Thành phố Đồng Nai;
- Thuế tỉnh Ninh Bình.

Trả lời Công văn số 1870/BN1-QLDN1 ngày 26/2/2026 của Thuế tỉnh Bắc Ninh; Công văn số 6392/HAN-QLDN2 ngày 11/3/2026 của Thuế TP. Hà Nội; Công văn số 4252/DON-QLDN1 ngày 25/3/2026 của Thuế TP. Đồng Nai và Công văn số 7062/NBI-QLDN2 ngày 25/5/2026 của Thuế tỉnh Ninh Bình vướng mắc về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tại Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân quy định:

+ Tại Điều 1 quy định về phạm vi điều chỉnh:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.”

+ Tại Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

+ Tại Khoản 4 Điều 10 quy định về hỗ trợ thuế, phí, lệ phí đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa:

“Điều 10. Hỗ trợ thuế, phí, lệ phí

...4. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm kể từ ngày, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.”

- Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/1/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân:

+ Tại Điều 1 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều 7; khoản 1, 2 Điều 8; khoản 1, 2, 3, 4, 5, 8 Điều 10; Điều 12; khoản 2 Điều 13 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 05 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.”

+ Tại Điều 2 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.”

+ Tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP quy định:

“Điều 7. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

3. Doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu:

a) Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước thời điểm Nghị quyết số 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành mà còn thời gian áp dụng ưu đãi thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này cho thời gian còn lại;

b) Quy định ưu đãi tại khoản này không áp dụng đối với:

b1) Doanh nghiệp thành lập mới do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

b2) Doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới;

b3) Thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.”

- Tại Khoản 10 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 quy định:

“Điều 4. Giải thích từ ngữ

...10. Doanh nghiệp là tổ chức có tên riêng, có tài sản, có trụ sở giao dịch, được thành lập hoặc đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật nhằm mục đích kinh doanh.

- Tại Điều 4 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 quy định:

“Điều 4. Tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa

1. Doanh nghiệp nhỏ và vừa bao gồm doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau đây:

a) Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng;

b) Tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

2. Doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ và doanh nghiệp vừa được xác định theo lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp và xây dựng; thương mại và dịch vụ.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thành lập, đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, đáp ứng tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và Nghị định số 80/2021/NĐ-CP, đồng thời không thuộc các trường hợp không áp dụng ưu đãi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP thì được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo quy định. Việc miễn thuế thu nhập doanh nghiệp không áp dụng đối với các khoản thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

Đề nghị Thuế các tỉnh, thành phố căn cứ hồ sơ thực tế của doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu, tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa, các trường hợp không áp dụng ưu đãi và các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi để hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Cục Thuế trả lời đề Thuế các tỉnh, thành phố được biết và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện đúng quy định./.

Nơi nhận:

**TL. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN BAN CHÍNH SÁCH,**

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- PCTr. Đặng Ngọc Minh (để báo cáo);
- Các đơn vị thuộc Bộ: CST, DNTN, PC;
- Thuế các tỉnh, thành phố;
- Ban PC;
- Website CT;
- Lưu: VT, CS (41b)

THUẾ QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Thanh Hằng